Nghị định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Ngày 19/8/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 330/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân ("Nghị định 330"). Nghị định 330 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Nghị định 330 được coi là "mảnh ghép chờ tài" trong khung pháp lý về lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong khi Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH-15 ("Luật BVDLCN") đặt ra các nghĩa vụ mà các bên tham gia xử lý dữ liệu phải tuân thủ và Nghị định 365/2025/ND-CP hướng dẫn cách thức thực hiện các nghĩa vụ đó, thì Nghị định 330 quy định cụ thể các hành vi vi phạm, mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin trình bày một số điểm đáng chú ý của Nghị định 330 mà doanh nghiệp cần lưu ý như sau:

1. Cơ chế phạt tiền theo doanh thu và khoản thu từ hành vi vi phạm

Trên cơ sở các mức phạt tiền tối đa đã được quy định tại Luật BVDLCN, Nghị định 330 quy định cụ thể cơ chế xác định mức phạt dựa trên khoản thu từ hành vi vi phạm hoặc doanh thu của tổ chức, theo đó:
• Mua, bán dữ liệu cá nhân trái phép: Mức phạt tối đa có thể lên đến 10 lần khoản thu từ hành vi vi phạm. Trường hợp không phát sinh khoản thu, hoặc số tiền phạt tính theo khoản thu thấp hơn 3 tỷ đồng đối với tổ chức và 1,5 tỷ đồng đối với cá nhân, mức phạt tiền tối đa áp dụng tương ứng là 3 tỷ đồng và 1,5 tỷ đồng.

• Chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới trái quy định: Mức phạt tối đa đối với tổ chức có thể lên đến 5% doanh thu của năm trước liền kề. Trường hợp tổ chức không có doanh thu trong năm trước liền kề hoặc số tiền phạt tính theo doanh thu thấp hơn 3 tỷ đồng, mức phạt tối đa áp dụng là 3 tỷ đồng. Đối với cá nhân thực hiện cùng hành vi, mức phạt tiền tối đa là 1,5 tỷ đồng.
• Các vi phạm khác về dữ liệu cá nhân: Mức phạt tối đa áp dụng là 3 tỷ đồng đối với tổ chức và 1,5 tỷ đồng đối với cá nhân
• Vi phạm trong lĩnh vực an ninh mạng: Mức phạt tối đa áp dụng là 200 triệu đồng đối với tổ chức và 100 triệu đồng đối với cá nhân

Cơ chế này làm gia tăng đáng kể rủi ro tài chính đối với doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp cần đánh giá đầy đủ mức độ tuân thủ trong toàn bộ hoạt động xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Chính thức hóa quy trình xử phạt trên môi trường điện tử

Nghị định 330 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính có thể được thực hiện trên môi trường điện tử khi đáp ứng các điều kiện luật định. Theo đó, chứng cứ điện tử có thể được sử dụng để xác định hành vi vi phạm. Biên bản vi phạm hành chính hành chính có thể được lập dưới hình thức điện tử và ký số và cho phép xác thực bằng sinh trắc học khuôn mặt hoặc vân tay trong trường hợp không sử dụng được chữ ký số. Quyết định xử phạt cũng có thể được ban hành và gửi bằng phương thức điện tử. Do vậy, doanh nghiệp cần lưu ý việc tiếp nhận và xử lý các tài liệu, thông báo và quyết định của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện trên môi trường điện tử, để tránh bỏ lỡ thời hạn giải trình hoặc việc thực hiện quyết định xử phạt.

3. Tăng cường xử phạt vi phạm bảo vệ dữ liệu cá nhân

Nghị định 330 tăng nặng chế tài đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cụ thể là:

a. Mức phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với tổ chức, 15 triệu đồng đến 25 triệu đồng đối với cá nhân được áp

dụng đối với các lỗi phổ biến liên quan đến quy trình và hình thức lấy sự đồng ý của người dùng. Nhóm hành vi này bao gồm việc xử lý dữ liệu sau khi thu thập mà chưa có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu; kèm theo điều kiện bắt buộc, từ chối cung cấp dịch vụ nếu chủ thể dữ liệu cá nhân không đồng ý xử lý dữ liệu cá nhân vào các mục đích xử lý không liên quan đến nội dung thỏa thuận cung cấp dịch vụ để được sử dụng dịch vụ; thiết lập phương thức mặc định đồng ý hoặc tạo ra chỉ dẫn không rõ ràng, gây hiểu lầm giữa đồng ý và không đồng ý cho chủ thể dữ liệu cá nhân. Mức phạt tăng lên 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng nếu tổ chức, cá nhân cố ý tiếp tục thực hiện xử lý dữ liệu sau khi chủ thể dữ liệu cá nhân đã có yêu cầu ngừng, hạn chế xử lý; hoặc thực hiện thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân khi chủ thể dữ liệu cá nhân giữ im lặng hoặc không phản hồi trước yêu cầu xin sự đồng ý, tự ý coi sự im lặng của khách hàng là đồng ý.

b. Bên cạnh đó, các hành vi không phân tách rõ từng mục đích xử lý do hình thức xin sự đồng ý không bảo đảm chủ thể dữ liệu cá nhân được đồng ý với từng mục đích xử lý dữ liệu cá nhân; thiếu minh bạch thông tin khi không ghi nhận, không lưu trữ nhật ký về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân, không chứng minh được đã có sự đồng ý khi có yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không thông báo cho chủ thể dữ liệu cá nhân biết xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm của họ đang được xử lý cũng sẽ chịu cùng khung phạt này.

c. Đi kèm với các mức phạt tiền, người vi phạm quy định còn bị áp dụng: (i) hình thức phạt bổ sung là tịch thu toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; và (ii) biện pháp khắc phục hậu quả: tổ chức và cá nhân vi phạm bắt buộc phải hủy hoặc xóa triệt để toàn bộ dữ liệu cá nhân đã thu thập trái phép tới mức không thể khôi phục, đồng thời bị cưỡng chế nộp lại toàn bộ khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

d. Mức phạt từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với tổ chức, 15 triệu đồng đến 25 triệu đồng đối với cá nhân cho một

trong các hành vi sau: Không thực hiện quy trình xác minh tuổi của trẻ em trước khi xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em; xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em dưới 07 tuổi mà không có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật hoặc xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên mà không có đồng thời sự đồng ý của trẻ em và người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp LBVDLCN có quy định khác. Ngoài ra, người vi phạm còn phải chịu hình thức xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng và biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc ngừng hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân và thông báo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật về việc dừng xử lý; buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục toàn bộ dữ liệu cá nhân đã xử lý trái quy định.

e. Đặc biệt trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động:

(i) Mức phạt từ 20 triệu đến 50 triệu đồng đối với tổ chức, 10 triệu đồng đến 25 triệu đồng đối với cá nhân, cho các hành vi sau: (a) Xử lý dữ liệu cá nhân của người dự tuyển khi chưa có sự đồng ý hoặc xử lý vượt quá phạm vi, mục đích đã được người dự tuyển đồng ý; (b) Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người dự tuyển trong trường hợp không tuyển dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người dự tuyển; và
(ii) Mức phạt tiền từ 50 triệu đến 70 triệu đồng đối với tổ chức, 25 triệu đồng đến 35 triệu đồng đối với cá nhân, cho các hành vi sau: Lưu trữ dữ liệu cá nhân của người lao động vượt quá thời hạn quy định của pháp luật hoặc vượt quá thời hạn đã thỏa thuận; Không thực hiện xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, trừ trường hợp theo thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác; Áp dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật để thu thập dữ liệu cá nhân của người lao động mà không bảo đảm người lao động biết rõ về biện pháp đó, bao gồm hành vi lắp đặt phần mềm theo dõi thiết bị, camera giám sát hoặc thiết bị thu thập dữ liệu khác tại môi trường làm việc mà không thông báo cho người lao động. Ngoài ra, người vi phạm còn phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

như: Buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu cá nhân đã thu thập, xử lý trái quy định; Buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm.

4. Siết chặt quản lý tin nhắn rác, cuộc gọi rác và cuộc gọi quảng cáo

Một trong những nội dung trọng tâm của Nghị định 330 là doanh nghiệp triển khai hoạt động tiếp thị, quảng cáo cần tuân thủ các quy định khắt khe về thời gian và tần suất liên hệ tiếp thị tới thuê bao. Theo đó:

a. Các hành vi thực hiện cuộc gọi rác hoặc quảng cáo sẽ bị phạt nặng theo Nghị định mới như sau:

(i) Hành vi gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo, tin nhắn quảng cáo hoặc gọi điện quảng cáo đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo sẽ bị phạt tiền từ 70 đến 90 triệu đồng đối với tổ chức, và từ 35 đến 45 triệu đồng đối với cá nhân;
(ii) Hành vi gọi điện quảng cáo, gửi tin nhắn quảng cáo hoặc thư điện tử quảng cáo ngoài khung giờ hoặc vượt quá tần suất quy định sẽ bị phạt tiền từ 30 đến 50 triệu đồng đối với tổ chức, 15 triệu đến 25 triệu đồng đối với cá nhân.
Theo Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người nhận
• Cuộc gọi quảng cáo chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian từ 8 giờ đến 17 giờ và tin nhắn quảng cáo chỉ được gửi trong khoảng thời gian từ 7 giờ đến 22 giờ mỗi ngày;
• Trong vòng 24 giờ, không được thực hiện quá 1 cuộc gọi quảng cáo, 3 tin nhắn quảng cáo hoặc 3 thư điện tử quảng cáo tới cùng một địa chỉ liên hệ.
(iii) Đối với các vi phạm khác trong hoạt động tiếp thị, người thực hiện quảng cáo gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo đến người nhận nhưng chưa được sự đồng ý của người nhận hoặc gọi điện quảng cáo đến người sử dụng khi chưa được người sử dụng đồng ý một cách rõ ràng, hoặc tiếp tục gửi sau khi người dùng đã từ chối, sẽ đối mặt mức phạt từ 10 đến 20 triệu

đồng đối với tổ chức, 5 triệu đến 10 triệu đồng đối với cá nhân. Trường hợp không gỡ nhãn tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo theo quy định; hoặc không lưu lại thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo trong thời gian tối thiểu một năm, mức phạt áp dụng từ 20 đến 30 triệu đồng đối với tổ chức, 10 triệu đến 15 triệu đồng đối với cá nhân.
(iv) Bên cạnh đó, cá nhân và tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ quyền sử dụng tên định danh từ 1 đến 3 tháng, có thể buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi sổ điện thoại vi phạm theo quy định.

b. Ngoài ra, người thực hiện tiếp thị, quảng cáo phải cung cấp cho người sử dụng công cụ tra cứu hoặc lưu trữ các thỏa thuận về việc đăng ký, từ chối cuộc gọi quảng cáo, tin nhắn quản cáo để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật. Nếu không thực hiện đúng các nghĩa vụ kỹ thuật bắt buộc nói trên, người thực hiện tiếp thị, quảng cáo sẽ bị phạt tiền 30 đến 50 triệu đồng đối với tổ chức, 15 đến 25 triệu đồng đối với cá nhân.

c. Bên cạnh đó, Nghị định 330 tăng cường trách nhiệm kiểm soát hạ tầng của các nhà mạng và nhà cung cấp dịch vụ internet. Cụ thể:

(i) Nhà mạng có thể bị phạt tiền từ 90 đến 100 triệu đồng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi sổ thuê bao dùng để phát tán tin nhắn rác, cuộc gọi rác.
(ii) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thoại qua internet (VoIP) và SIP Trunk phải duy trì cơ chế kỹ thuật tự động chặn toàn bộ lưu lượng phát sinh cuộc gọi ra mạng viễn thông công cộng nếu không gỡ tên định danh (Voice Brandname) hợp lệ. Đồng thời, nhà mạng có trách nhiệm giám sát, phân tích phát hiện lưu lượng bất thường để kịp thời cảnh báo, tạm dừng hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ cho khách hàng có dấu hiệu phát tán cuộc gọi rác, lừa đảo, mạo danh. Nếu không thực hiện đúng các nghĩa vụ kỹ thuật bắt buộc nói trên, nhà mạng sẽ bị phạt tiền từ 50 đến

70 triệu đồng và bị đình chỉ cung cấp dịch vụ SIP Trunk, VoIP từ 1 đến 3 tháng.
(iii) Để bảo đảm quyền lợi trực tiếp của người sử dụng, các tổ chức liên quan có trách nhiệm cung cấp công cụ, ứng dụng cho phép người dùng tự chủ động ngăn chặn thư điện tử rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác và gửi phản ánh về thư điện tử rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác. Doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ cung cấp công cụ phản ánh sẽ bị phạt từ 5 triệu đồng 5 triệu đến 30 triệu đồng.

5. Xử phạt doanh nghiệp nước ngoài vi phạm nghĩa vụ bảo đảm an ninh thông tin mạng

Nghị định 330 quy định doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có thể bị xử phạt tiền từ 60 triệu đồng đến 100 triệu đồng nếu không đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Đồng thời, các doanh nghiệp này còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam và buộc ngừng cung cấp dịch vụ hoặc ngừng kết nối viễn thông, internet.

6. Tăng cường chế tài bảo vệ trẻ em trên không gian mạng

Nghị định 330 quy định mức phạt từ 25 triệu đến 100 triệu đồng đối với tổ chức đối với các hành vi không triển khai các biện pháp kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; không ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; không có dấu hiệu cảnh báo đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin mang nội dung không có lợi cho trẻ em; đăng tải phát tán, chia sẻ, lưu trữ, trao đổi, sử dụng thông tin, hình ảnh, âm thanh có nội dung khiêu dâm, đồi trụy, bạo lực liên quan đến trẻ em; hoặc kích động, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em theo dõi, chia sẻ, phát tán thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền

trẻ em hoặc tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật khác. Trường hợp cá nhân có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền được áp dụng với cá nhân bằng một phần hai lần mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức.

Nghị định mới về hoạt động xúc tiến thương mại

Ngày 26/6/2026 Chính phủ ban hành Nghị định số 239/2026/NĐ-CP ("Nghị định 239") sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, đã được sửa đổi và bổ sung theo Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ ("Nghị định 81"). Nghị định 239 có hiệu lực từ ngày ban hành.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin trình bày một số thay đổi đáng chú ý của Nghị định 239 so với các quy định trước đây, bao gồm:

1. Điều chỉnh danh mục loại trừ đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại hoặc dùng để khuyến mại

Thay vì quy định hai danh mục loại trừ riêng biệt như trước, Nghị định 239 áp dụng một danh mục loại trừ thống nhất cho cả nhóm hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và nhóm hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, với một số điều chỉnh như sau:

(a) Đối với nhóm hàng hóa và dịch vụ được khuyến mại: Nghị định 239 về cơ bản duy trì trường hợp loại trừ theo quy định trước đây như rượu, xổ số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập và các hàng hóa, dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với thuốc, phạm vi loại trừ

theo Nghị định 239 được thu hẹp từ toàn bộ thuốc chữa bệnh cho người, kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế, xuống chỉ còn thuốc kê đơn, trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc.
(b) Đối với nhóm hàng hóa và dịch vụ dùng để khuyến mại: Nghị định 239 bổ sung thêm sữa thay thế sữa mẹ; dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập; dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập vào danh mục các hàng hóa, dịch vụ không được dùng để khuyến mại.

2. Hạn mức giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại và mức giảm giá tối đa

Thay vì quy định mức trần giá bán hay mức giảm giá tối đa (ví dụ: không vượt quá 50% hay tối đa là 100%, tùy từng trường hợp) đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, Nghị định 239 đã bãi bỏ các hạn mức được quy định tại Nghị định 81. Để chủ động cho hoạt động quản lý, Nghị định 239 giao Bộ Công Thương quy định cụ thể về các hạn mức này. Do vậy, doanh nghiệp khi xây dựng chương trình khuyến mại hoặc giảm giá, cần lưu ý kiểm tra quy định hiện hành liên quan của Bộ Công thương để bảo đảm áp dụng đúng hạn mức tại thời điểm triển khai.

3. Bãi bỏ giới hạn tổng thời gian thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá

Nghị định 239 bãi bỏ giới hạn tổng thời gian thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá đối với một loại nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ không được vượt quá 120 ngày trong một năm, được quy định tại Nghị định 81. Quy định này được kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc quyết định thời gian và tần suất triển khai các chương trình giảm giá theo nhu cầu kinh doanh và diễn biến thị trường. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn phải tuân thủ các quy định áp dụng về mức giảm giá, hàng hóa dịch vụ được khuyến mại, công khai thông tin và các nghĩa vụ có liên quan.

4. Sửa đổi một số quy định về chương trình khuyến mại mang

tính may rủi

Nghị định 239 điều chỉnh một số quy định liên quan đến chương trình khuyến mại mang tính may rủi, trong đó có quy định về hình thức chứng kiến việc xác định trúng thưởng. Nếu như trước đây, Nghị định 81 không quy định cụ thể về hình thức chứng kiến của khách hàng, thì theo Nghị định 239 khách hàng có thể chứng kiến trực tiếp hoặc trực tuyến. Quy định này được kỳ vọng sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể linh hoạt lựa chọn hình thức chứng kiến phù hợp, miễn là đảm bảo tính minh bạch, có thể kiểm chứng.

5. Miễn thủ tục thông báo đối với chương trình khách hàng thường xuyên

Nghị định 239 miễn thủ tục thông báo với Sở Công thương đối với chương trình khách hàng thường xuyên, mà không phụ thuộc vào tổng giá trị giải thưởng, quà tặng hoặc kênh thực hiện. Trước đây, chương trình này chỉ được miễn thông báo nếu có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng hoặc chỉ áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng qua các nền tảng thương mại điện tử được quy định. Điểm cần lưu ý là việc miễn thủ tục thông báo với Sở Công thương không loại trừ nghĩa vụ của doanh nghiệp phải công khai đầy đủ thông tin về chương trình cho khách hàng theo Điều 97 Luật Thương mại và tuân thủ các quy định liên quan khác.

6. Chuẩn hóa phương thức nộp hồ sơ

Theo Nghị định 239, doanh nghiệp không còn lựa chọn nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc trực tuyến qua các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính riêng của Bộ Công Thương và địa phương. Thay vào đó, doanh nghiệp sẽ lựa chọn nộp hồ sơ: (i) thông qua dịch vụ bưu chính công ích, thuê dịch vụ hoặc ủy quyền theo pháp luật; hoặc (ii) nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cụ thể, các phương thức này áp dụng đối với các hồ sơ: (i) Thông báo hoạt động khuyến mại; (ii) Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung Chương trình khuyến

mại; (iii) Đăng ký hoạt động khuyến mại; (iv) Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại; (v) Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại; và (vi) Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

7. Trách nhiệm phòng chống rửa tiền đối với phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ

Một điểm mới của Nghị định 239 đó là quy định thương nhân, tổ chức phát hành và thương nhân sử dụng phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ để thực hiện khuyến mại phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và tuân thủ pháp luật về phòng chống rửa tiền. Quy định này áp dụng với hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm phiếu mua hàng hoặc phiếu sử dụng dịch vụ.

Thông tư mới hướng dẫn Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa trốn thuế

Tính đến nay, Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thu nhập ("DTA") với 80 nước/ vùng lãnh thổ trên thế giới.

Để thực hiện các DTA, ngày 01/7/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2026/TT-BTC ("Thông tư 95"). Thông tư 95 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các DTA ("Thông tư 205") và Thông tư số 45/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế.

Về tổng thể, Thông tư 95 tập trung hướng dẫn thực hiện ba nội dung chính sau đây:

• Thực hiện các DTA. Kế thừa các quy định của Thông tư 205, Thông tư 95 bổ sung hoặc làm rõ các quy định về đối tượng áp dụng, điều kiện miễn, giảm thuế, và cách thức xác định nghĩa vụ thuế đối với các cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài có phát sinh thu nhập tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.
• Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP). Đây là nội dung mới, không được quy định chi tiết tại Thông tư 205 trước đây. Thông tư 95 hướng dẫn quy trình và thủ tục để người nộp thuế yêu cầu cơ quan thuế giải quyết các trường hợp đánh thuế không đúng quy định của DTA, tạo ra cơ chế đối thoại giữa cơ quan thuế hai quốc gia nhằm giải quyết tranh chấp thuế xuyên biên giới, loại bỏ tình trạng đánh thuế hai lần, ngăn ngừa hành vi trốn lậu thuế và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nộp thuế trong các giao dịch quốc tế.
• Cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá (APA). Kế thừa các quy định của Thông tư 45, Thông tư 95 quy định về thủ tục để doanh nghiệp và cơ quan thuế thống nhất trước về cách thức, phương pháp định giá chuyển nhượng trước khi phát sinh giao dịch liên kết, giúp bảo đảm sự chắc chắn về thuế, ngăn ngừa rủi ro bị ấn định thuế hoặc truy thu, và loại bỏ nguy cơ bị đánh thuế hai lần cho người nộp thuế.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin tóm lược một số quy định mới đáng chú ý của Thông tư 95, hướng dẫn thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương (MAP).

1. Các trường hợp từ chối MAP

(a) Hồ sơ đề nghị áp dụng MAP không thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam.
(b) Hồ sơ đề nghị áp dụng MAP quá thời hạn 03 năm (hoặc 02 năm tùy theo quy định của DTA) kể từ ngày cơ quan thuế Việt Nam hoặc Bên ký kết, tùy từng trường hợp, ra thông báo về việc xử lý về thuế mà đối tượng cư trú của Bên ký kết hoặc Việt Nam

cho rằng không phù hợp với quy định của DTA giữa Việt Nam và Bên ký kết.
(c) Người đề nghị áp dụng MAP chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã được thông báo tại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế Việt Nam hoặc Bên ký kết, tùy từng trường hợp, trước và trong quá trình đề nghị áp dụng MAP, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện quyết định tính thuế, quyết định ấn định thuế của cơ quan thuế.
(d) Người đề nghị áp dụng MAP hoặc đối tượng liên kết đang được kiểm tra và chưa có Biên bản kiểm tra thuế chính thức.
(e) Có căn cứ xác định người đề nghị áp dụng MAP lợi dụng hoặc đề nghị áp dụng MAP nhằm đạt được lợi ích thuế trái với mục tiêu và bản chất của DTA hoặc nhằm thực hiện hành vi tránh thuế, trốn thuế.
(f) Cục Thuế xác định nghĩa vụ thuế của người đề nghị áp dụng MAP phù hợp với quy định của DTA.

Trường hợp từ chối đề nghị áp dụng MAP, nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam (là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính) ban hành Thông báo từ chối đề nghị áp dụng MAP hoặc thư từ chối đề nghị áp dụng MAP gửi nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết.

2. Quy trình xử lý đề nghị áp dụng MAP từ người nộp thuế là đối tượng cư trú của Việt Nam

2.1 Tiếp nhận hồ sơ đề nghị MAP

Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị áp dụng MAP đến Cục Thuế. Hồ sơ bao gồm:

• Văn bản đề nghị áp dụng thủ tục thỏa thuận song phương theo mẫu số 01/DTA-MAP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 95;
• Báo cáo tài chính và tờ khai thuế liên quan đến đề nghị áp dụng MAP;
• Tài liệu liên quan đến thông báo xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế nước ngoài hoặc của cơ quan thuế Việt Nam;
• Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế của

kỳ tính thuế đề nghị áp dụng MAP (đối với MAP về xác định giá chuyển nhượng);
• Thông tin, tài liệu, hợp đồng, mô tả chi tiết thực tế về giao dịch, hoạt động liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và cơ sở lập luận của người đề nghị áp dụng MAP về điều khoản DTA mà cơ quan thuế nước ngoài áp dụng chưa phù hợp với quy định của DTA, phân tích của người đề nghị liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế;
• Tài liệu chứng minh việc nộp thuế trong trường hợp người đề nghị đã nộp số thuế liên quan đến đề nghị áp dụng MAP;
• Bản sao văn bản đề nghị áp dụng thủ tục MAP và các tài liệu kèm theo trong trường hợp người đề nghị đã hoặc sẽ nộp đề nghị áp dụng MAP cho cơ quan thuế nước ngoài;
• Bản sao văn bản đề nghị khiếu nại và tài liệu kèm theo trong trường hợp người đề nghị đã hoặc sẽ nộp văn bản khiếu nại theo cơ chế giải quyết khiếu nại khác trong và ngoài Việt Nam và kết quả giải quyết khiếu nại (nếu có).

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị áp dụng MAP từ người nộp thuế là đối tượng cư trú của Việt Nam, Cục Thuế thực hiện MAP với cơ quan thuế nước ngoài theo quy định của DTA và trình tự, thủ tục được hướng dẫn tại Thông tư 95.

2.2 Rà soát, phân tích hồ sơ đề nghị MAP

• Cục Thuế kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, làm rõ các thông tin, tài liệu cần thiết để xác định việc đề nghị MAP có thuộc phạm vi, điều kiện áp dụng MAP theo DTA hay không. Sau khi kết thúc rà soát, Cục Thuế sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế về việc chấp nhận hoặc từ chối đề nghị áp dụng MAP theo mẫu; hoặc ban hành Thông báo đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu.

• Cục Thuế thực hiện việc phân tích hồ sơ đề nghị áp dụng MAP trên cơ sở xem xét tổng hợp các thông tin, tài liệu do người nộp thuế cung cấp, đối chiếu với quy định của DTA và pháp luật thuế trong nước để đánh giá tính hợp lý, đầy đủ và có căn cứ của đề nghị. Trong quá trình này, Cục Thuế có thể yêu cầu

người nộp thuế hoặc nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết DTA bổ sung thông tin, tài liệu, đồng thời chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc ngành thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin, bằng chứng thực tế, cũng như tham khảo thông lệ quốc tế và kinh nghiệm xử lý các trường hợp MAP tương tự nhằm bảo đảm việc giải quyết hồ sơ khách quan, phù hợp với quy định pháp luật và chuẩn mực quốc tế.

2.3 Giải quyết đơn phương đề nghị áp dụng MAP

Cục Thuế xác định đề nghị MAP của người nộp thuế là đối tượng cư trú của Việt Nam phù hợp với các quy định của DTA có liên quan mà không cần tiến hành trao đổi bàn quan điểm, đàm phán với cơ quan thuế Bên ký kết và sẽ thông báo cho người nộp thuế và cơ quan thuế Bên ký kết trong trường hợp đề nghị áp dụng MAP đã được giải quyết đơn phương.

2.4 Trao đổi bàn quan điểm, đàm phán MAP và ý kiến của người nộp thuế

Trong trường hợp đề nghị MAP từ phía người nộp thuế, sau khi kết thúc quá trình trao đổi bàn quan điểm, đàm phán MAP và hai nhà chức trách có thẩm quyền đạt được thỏa thuận chung, Cục Thuế gửi văn bản đề nghị người nộp thuế có ý kiến phản đối hoặc không phản đối đối với dự thảo thỏa thuận chung nêu trên.

Nếu thỏa thuận chung không giải quyết được việc đánh thuế trùng hoặc việc đánh thuế không phù hợp với quy định của DTA đối với trường hợp của người nộp thuế, Cục Thuế thông báo bằng văn bản để người nộp thuế biết.

Người nộp thuế không được chỉ chấp nhận một phần dự thảo thỏa thuận chung (một số vấn đề hoặc kỳ tính thuế nhất định tại dự thảo thỏa thuận chung). Trong trường hợp phức tạp, Cục Thuế và nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết nhận thấy khó đạt được thỏa thuận chung thì có thể chia thỏa thuận đề xuất thành các phần khác nhau.

2.5 K□t thúc h□ sơ đ□ nghị áp dụng MAP

H□ sơ đ□ nghị MAP k□t thúc trong các trường hợp sau:

• Gi□i quy□t đơn phương.
• Rút đ□ nghị MAP:
o Cục Thu□ thực hiện k□t thúc h□ sơ MAP trong trường hợp người nộp thu□ có văn b□n đ□ nghị rút h□ sơ MAP hoặc khi nhận được thông báo từ nhà chức trách có th□m quy□n c□a Bên ký k□t v□ việc người nộp thu□ c□a Bên ký k□t đã rút đ□ nghị MAP;
o Việc rút đ□ nghị MAP có th□ di□n ra tại b□t kỳ thời đi□m nào trước khi th□a thuận chung v□ MAP được ký k□t. Người nộp thu□ không được rút một ph□n hoặc từng ph□n c□a đ□ nghị MAP.
• Đ□ nghị áp dụng MAP được k□t thúc trên cơ s□ k□t qu□ đàm phán giữa nhà chức trách có th□m quy□n c□a Việt Nam và nhà chức trách có th□m quy□n c□a Bên ký k□t.
• B□t kỳ lý do nào khác khi□n h□ sơ đ□ nghị MAP không th□ được gi□i quy□t, có th□ bao g□m các lý do sau: người nộp thu□ bị phá s□n, gi□i th□ hoặc ch□m dứt t□n tại; hoặc dù đã đạt được th□a thuận MAP nhưng không th□ thực hiện được theo quy định c□a DTA liên quan hoặc pháp luật thu□ trong nước c□a một trong hai Bên ký k□t.

Cục Thu□ ban hành Thông báo g□i người nộp thu□ theo m□u khi k□t thúc h□ sơ MAP.

3. Thực hiện th□a thuận MAP, theo dõi và giám sát việc thực hiện MAP

• Cục Thu□ g□i công văn cho cơ quan thu□ qu□n lý trực ti□p người nộp thu□ đ□ nghị thực hiện các biện pháp qu□n lý thu□ theo quy định, đ□ng thời g□i người nộp thu□ liên quan đ□ bi□t và thực hiện.
• Cơ quan thu□ qu□n lý trực ti□p người nộp thu□ thực hiện đi□u ch□nh cơ s□ tính thu□ hoặc thực hiện các biện pháp qu□n lý thu□ c□n thi□t khác theo hướng d□n bằng văn b□n c□a Cục Thu□. Người nộp thu□ có liên quan có nghĩa vụ thực hiện theo hướng d□n c□a cơ quan thu□.

• Trường hợp việc thực hiện thỏa thuận MAP dẫn đến số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số phải nộp thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh nghĩa vụ thuế, xác định số nộp thừa và xử lý theo quy định về xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa của pháp luật về quản lý thuế.
• Thỏa thuận MAP chỉ áp dụng đối với trường hợp cụ thể và các kỳ tính thuế liên quan, không tạo thành tiền lệ để áp dụng cho các trường hợp, người nộp thuế hoặc kỳ tính thuế khác.

Những điểm mới đáng chú ý của Nghị định quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Ngày 05/6/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và ra thị trường quốc tế ("Nghị định 200"). Nghị định 200 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/06/2026 và thay thế Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP (gọi chung là "Nghị định 153").

Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi xin tóm tắt một số quy định đáng chú ý về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ("TPDN") riêng lẻ tại thị trường trong nước của Nghị định 200:

1. Quy định rõ hơn mục đích phát hành và sử dụng vốn trái phiếu

Nghị định 200 quy định rõ mục đích phát hành. Trường hợp phát

hành trái phiếu cho các dự án đầu tư, Nghị định 200 xác định rõ là để thực hiện dự án đầu tư theo các hình thức đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư.

Để bảo đảm tuân thủ đúng mục đích sử dụng vốn, doanh nghiệp phát hành ("DNPH") theo dõi riêng nguồn vốn thu được, đảm bảo sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích. Trường hợp DNPH thông qua bên thứ hai (ví dụ: công ty con) sử dụng vốn thu được vào dự án đầu tư thì phải có biện pháp theo dõi, quản lý, giám sát bên thứ hai sử dụng vốn thu được vào dự án đầu tư theo đúng phương án phát hành.

Để tối ưu hóa dòng vốn, trường hợp chưa đến thời điểm giải ngân theo tiến độ, DNPH được phép sử dụng vốn thu được để gửi tiền tại ngân hàng thương mại, mua chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại phát hành và phải nêu rõ kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi tại phương án phát hành. Khi đến thời điểm giải ngân theo tiến độ, DNPH phải đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích.

Nghị định 200 bổ sung quy định cho phép DNPH thay đổi mục đích phát hành hoặc điều kiện trái phiếu, với điều kiện phương án phát hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc thay đổi điều kiện trái phiếu phải được tối thiểu 65% trái chủ chấp thuận, và DNPH phải mua lại trước hạn đối với trái chủ không chấp thuận việc thay đổi mục đích phát hành hoặc điều kiện trái phiếu.

2. Tách bạch điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chào bán theo đối tượng doanh nghiệp

Để tạo thuận lợi cho việc áp dụng, quản lý tuân thủ và xử lý vi phạm, Nghị định 200 tách bạch rõ điều kiện, hồ sơ đăng ký, trình tự, thủ tục chào bán riêng biệt, cho hai nhóm đối tượng DNPH:

(a) Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; và
(b) Công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng

khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Về điều kiện chào bán, ngoài các điều kiện đã được quy định tại Nghị định 153, Nghị định 200 quy định bổ sung điều kiện DNPH phải có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu, để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp sửa đổi. Điều kiện bổ sung này không áp dụng với trường hợp DNPH là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

3. Quy định rõ hơn trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành và tổ chức, cá nhân liên quan

So với Nghị định 153, Nghị định 200 đã bổ sung thêm một số trách nhiệm của DNPH. Cụ thể:

(a) DNPH có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của DNPH và của nhà đầu tư.
(b) DNPH chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ lãi, gốc trái phiếu.

Đồng thời, Nghị định 200 quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu, báo cáo phục vụ hoạt động phát hành trái phiếu; làm rõ trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ như tổ chức tư vấn hồ sơ, đại lý phát hành, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên để điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán, soát xét, tổ chức xếp hạng tín nhiệm và doanh nghiệp thẩm định giá; quy định rõ trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu.

4. Phân biệt rõ các đối tượng nhà đầu tư

Nghị định 200 lần đầu tiên quy định rõ các đối tượng nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ, bao

gồm:

(a) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại Luật Chứng khoán được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với:
(i) Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ; và
(ii) Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.
(b) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại Luật Chứng khoán được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với:
(i) Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
(ii) Các loại trái phiếu sau đây, với điều kiện trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán của tổ cức tín dụng: trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; và trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
(c) Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với TPDN riêng lẻ là trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư do Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.

Điểm đáng chú ý là, Nghị định 200 quy định rõ trường hợp trái phiếu có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán, thì tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phải bảo đảm thanh toán toàn bộ gốc của trái phiếu. Tài sản bảo đảm không được bao gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, phần vốn góp của chính DNPH.

5. Tăng cường minh bạch thông tin

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, Nghị định 200 bổ sung các quy định về công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường. Theo đó, DNPH phải thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ; công bố tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động hoặc không còn dư nợ trái phiếu, tùy thời điểm nào đến trước. Cụ thể:

(a) Với công bố thông tin định kỳ:

(i) Định kỳ 06 tháng và hằng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ, DNPH thực hiện công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư và gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở giao dịch chứng khoán ("SGDCK").
(ii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ, DNPH thực hiện công bố thông tin cho các nhà đầu tư và gửi nội dung công bố thông tin đến SGDCK về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc trái phiếu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
(iii) Trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, DNPH công bố thông tin cho nhà đầu tư và SGDCK lãi suất thực tế áp dụng cho các kỳ tính lãi chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(b) Với công bố thông tin bất thường:

DNPH phải công bố thông tin bất thường theo quy định cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau, DNPH phải công bố thông tin bất thường theo hướng dẫn của Bộ Tài chính cho các nhà đầu tư và gửi nội dung công bố thông tin đến SGDCK:

(i) Bị tạm ngừng kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động, bị chấm dứt kinh doanh hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định

v□ việc t□ chức lại hoặc chuy□n đ□i doanh nghiệp;
(ii) Có sự thay đ□i v□ nội dung thông tin so với thông tin đã công b□ khi chào bán trái phi□u làm □nh hư□ng đ□n kh□ năng tr□ nợ lãi, g□c trái phi□u;
(iii) Thay đ□i đi□u kiện, đi□u kho□n c□a trái phi□u đã phát hành, thay đ□i đại diện người s□ hữu trái phi□u, thay đ□i mục đích phát hành c□a đợt chào bán trái phi□u;
(iv) Chậm thanh toán lãi, g□c trái phi□u theo phương án phát hành đã công b□ thông tin;
(v) K□t qu□ đàm phán với nhà đ□u tư trong trường hợp chậm thanh toán lãi, g□c trái phi□u; việc thực hiện thanh toán lãi, g□c trái phi□u sau thời gian bị chậm thanh toán;
(vi) Ph□i thực hiện mua lại trái phi□u trước hạn b□t buộc;
(vii) Khi nhận được b□n án, quy□t định đã có hiệu lực pháp luật c□a tòa án liên quan đ□n hoạt động c□a công ty, quy□t định x□ phạt vi phạm pháp luật v□ thu□;
(viii) Thay đ□i, b□ nhiệm mới, b□ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật;
(ix) Các sự kiện b□t thường khác □nh hư□ng đ□n kh□ năng thanh toán lãi, g□c trái phi□u c□a doanh nghiệp.